

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2216/2022/DS-ST
Ngày: 31-10-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang - Thư ký Toà
án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án đối với vụ án Dân sự thụ lý số 1005/2021/TLST-DS ngày 21/7/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2022/QĐXXST-DS ngày 19/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2022/QĐST-DS ngày 07/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Trụ sở: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Pháp (văn bản ủy quyền số 113/2022/UQ-BVB ngày 31/3/2022) (có mặt)

Bị đơn : Bà Tô C (vắng mặt)

Địa chỉ: 146/59/18/48 Vũ Tùng, Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ký kết hợp đồng: Giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt và bị đơn – bà Tô C có ký với nhau tổng cộng 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Ngày 11/02/2020, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0012000006300, nội dung của hợp đồng nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay số tiền vốn 3.000.000.000đồng; mục đích vay thanh toán tiền mua bất động sản; thời hạn cho vay 240 tháng kể từ ngày 11/02/2020 đến ngày 11/02/2040; Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu 12%/năm; Lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; Ngân hàng đã giải ngân số tiền 3.000.000.000đồng cho bà C theo nội dung Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020.

Hợp đồng tín dụng thứ hai: Ngày 18/02/2020, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0012000007300, nội dung của hợp đồng nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đồng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày 19/02/2020 đến ngày 19/02/2025; Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu 12%/năm; Lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 200.000.000đồng cho bà C theo nội dung Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020

Hợp đồng tín dụng thứ ba: Ngày 03/3/2020, nguyên đơn và bị đơn có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt (gọi tắt là hợp đồng tín dụng), căn cứ vào thu nhập của bà C Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà sử dụng với hạn mức 100.000.000đồng.

Tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho 03 khoản vay của cả 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 18/02/2020, bà Tô C đã ký hợp đồng thế chấp bất quyền sử dụng đất số 0012000007200 và Bản điều khoản thế chấp tài sản. Thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của 02 thửa đất đều thuộc quyền sở hữu của bà C. Thửa đất thứ nhất: số thửa 344, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 1.100m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C ngày 17/02/2020. Thửa đất thứ hai có số thửa 823, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 1.100m²; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C vào ngày 17/02/2020. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/02/2020 theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện 03 hợp đồng tín dụng nêu

trên, phía bị đơn chỉ thanh toán cho Ngân hàng 03 kỳ đầu tiên tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 và hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020, sau đó bị đơn ngưng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác. Riêng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 00120000016TD ký ngày 03/3/2020, phía bị đơn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, dù phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho phía bị đơn trả nợ.

Yêu cầu đòi nợ: Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía bị đơn phải thanh toán số tiền nợ của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền 4.490.782.439đồng (Bốn tỷ bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ngày 11/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020: có số tiền nợ tổng cộng 4.024.814.690đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 2.962.499.970đồng, tiền lãi trong hạn 873.670.912đồng, Phạt chậm trả lãi 103.490261đồng và lãi quá hạn 85.153.547đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ngày 18/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020: có số tiền nợ tổng cộng 261.335.401đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 190.100.000đồng, tiền lãi trong hạn 44.728.178đồng, Phạt chậm trả lãi 5.792.563đồng và lãi quá hạn 22.476.148đồng.
- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 có số tiền nợ tổng cộng 204.632.348đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 100.081.813đồng, Lãi trong hạn 2.995.600đồng và lãi quá hạn 101.554.935 đồng.

Tất cả các khoản tiền lãi của cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên được tính đến ngày 25/10/2022.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ phát sinh từ 03 Hợp đồng tín dụng và 02 Giấy nhận nợ nêu trên cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 4.490.782.439đồng (Bốn tỷ bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng) tiền lãi tính đến ngày 25/10/2022.

Buộc bà C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 26/10/2022 trên số dư nợ vốn của cả 03 hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong toàn bộ nợ vay, theo mức lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng và trong 02 Giấy nhận nợ. Đồng thời buộc bà Tô C phải hoàn trả toàn bộ chi phí tố tụng cho nguyên đơn theo thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 1018/2022/TB-TA ngày 15/7/2022.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán dứt điểm một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi của ba hợp đồng tín dụng nêu trên và chi phí tố tụng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất có số thửa 344, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 1.100m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C ngày 17/02/2020 và thửa đất số 823, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 1.100m²; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C vào ngày 17/02/2020, đều thuộc quyền sở hữu của bà C để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền phát mãi 02 thửa đất nêu trên nếu không đủ để thanh toán toàn bộ số nợ vay, buộc bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay.

Nguyên đơn xin rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà C phải thanh toán các loại phí, phí phạt đối với khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020.

Bị đơn- Bà Tô C: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thụ thập chứng cứ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với bị đơn. Cụ thể: tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/7/2022; lúc 08 giờ 00 phút ngày 15/8/2022 và lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/9/2022 cho bà C, bà C đã trực tiếp ký nhận toàn bộ văn bản mà Tòa án tổng đạt nhưng vẫn không có mặt tham gia tố tụng, đồng thời bà C cũng không có bất kỳ ý kiến gì bằng văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bà C vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – bà Tô C vắng mặt không có lý do.

Phản tranh luận: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không có ý kiến phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Tô C thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên số tiền còn thiếu theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận đến khi thanh toán xong. Trường hợp bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 02 thửa đất số 344 và số 823, tờ bản đồ số 67 tạo lập tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Do nguyên đơn rút yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán các loại phí, phí phạt đối với khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020, nên đình chỉ phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải đóng toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn còn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B**, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Bản Việt với bà Tô C là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – bà Tô C khai địa chỉ cư trú vào thời điểm ký hợp đồng với nguyên đơn tại số 146/59/18/48 Vũ Tùng, Phường 2, quận **B**. Theo kết quả cung cấp chứng cứ ngày 14/4/2022 của Công an Phường 2, quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh đã định bà Tô C có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ Khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận **B**.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/10/2022 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 25/10/2022, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

Nguyên đơn yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và yêu cầu bà Tô C thanh toán số tiền nợ vốn của 03 hợp đồng tín dụng tổng cộng là 3.252.681.783 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 là 2.962.499.970 đồng tiền nợ vốn; Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 là 190.100.000 đồng tiền nợ vốn và Giấy đề nghị kiên Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 là 100.081.813 đồng tiền nợ vốn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020; Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ký ngày 11/02/2020 và Phiếu tính lãi khoản vay có số tài khoản tiền vay 0010422020003 ngày 25/10/2022 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Tô C đã vay của Ngân hàng TMCP Bản Việt khoản tiền vốn là 3.000.000.000 đồng vào ngày 11/02/2020, mục đích vay thanh toán tiền mua bất động sản. Sau khi nhận tiền giải ngân đến nay, bà C chỉ thanh toán cho nguyên đơn 03 kỳ tiền nợ vốn với số tiền tổng cộng là 37.500.030 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020, Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020 và Phiếu tính lãi khoản vay có số tài khoản tiền vay 0010502020003 ngày 25/10/2022 cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Tô C đã vay của Ngân hàng TMCP Bản Việt số tiền vốn 200.000.000đồng vào ngày 19/02/2020, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi nhận tiền giải ngân đến nay, bà C chỉ thanh toán cho nguyên đơn 03 kỳ tiền nợ vốn với số tiền tổng cộng là 9.900.000đồng

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiên Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 và Bảng kê tính lãi đến ngày 25/10/2022 có số tài khoản 90120930001, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP Bản Việt đã cấp cho bà C 01 thẻ tín dụng Visa Plat VIP có hạn mức 100.000.000đồng. Sau khi được cấp thẻ bà C đã sử dụng thẻ để giao dịch số tiền tổng cộng là 100.081.813đồng nhưng bà C không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của cả 02 Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 và Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020; Điều 7 của 02 Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020; các Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 12 và Điều 15 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt mà hai bên đã ký kết, thì bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà C trả nợ, nhưng bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 19/11/2020, Ngân hàng đã ra Thông báo số 1769/2020/TB-BVB về việc thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ số dư nợ gốc chưa đến hạn của cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên sang nợ quá hạn sau ngày 25/11/2020. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc phía bị đơn thanh toán ngay các khoản tiền nợ gốc là hoàn toàn phù hợp với những thỏa thuận mà hai bên đã thống nhất trong 03 hợp đồng tín dụng về thu hồi trước hạn, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn - bà Tô C phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày 25/10/2022 của 03 hợp đồng tín dụng tổng cộng là 1.238.100.656 đồng, trong đó bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 là 1.062.314.720đồng; Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 là 71.235.401đồng và Giấy đề nghị kiên Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 là 104.550.535 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ khi nhận tiền giải ngân đến nay, bà C mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 03 kỳ đầu tiên của Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 với số tiền tổng cộng là 92.894.397đồng; Hợp đồng tín dụng số

0012000007300 ký ngày 18/02/2020 bà C cũng chỉ thanh toán được 03 kỳ lãi với số tiền tổng cộng là 5.582.499đồng. Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 thì bà C chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào cho Ngân hàng. Mặc dù các bên đã thống nhất thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất trong hạn, mức lãi suất quá hạn và các kỳ hạn trả lãi trong từng hợp đồng tín dụng và trong từng Giấy nhận nợ, nhưng bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Xem xét thời gian tính lãi, mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và mức lãi suất chậm trả lãi mà ngân hàng áp dụng, được thể hiện chi tiết trong các Phiếu tính lãi của mỗi khoản vay là hoàn toàn phù hợp với nội dung mà các bên đã thống nhất thỏa thuận tại khoản 5 Điều 1 của cả 02 Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 và số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020; Điều 4 của 02 Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020; Điều 3 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt. Đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc phía bị đơn – bà Tô C phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày 25/10/2022 của cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên tổng cộng là 1.238.100.656 đồng (trong đó bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 số tiền nợ lãi 1.062.314.720đồng; Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 số tiền nợ lãi 71.235.401đồng và Giấy đề nghị kiên Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 số tiền nợ lãi 104.550.535 đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phí 43.108.755đồng (trong đó bao gồm các loại phí và phí phạt) phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút yêu cầu này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Người đại diện của Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Bản Việt, trong trường hợp bà Tô C không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại khoản 9 Điều 1, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 có quy định về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm đối với số tiền

vay 3.000.000.000đồng và tại khoản 9 Điều 1, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 cũng quy định về tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm đối với số tiền vay 200.000.000đồng cùng là 02 thửa đất số 344 và số 823 tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã Tân Thạnh Đông, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 và số CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi vào ngày 17/02/2020. Cả 02 thửa đất này thuộc quyền sở hữu của bà Tô C, tài sản bảo đảm đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật (Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số thứ tự 5599 ngày 19/02/2020).

Đồng thời cũng Điều 1 và khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0012000007200 ngày 18/02/2020 mà các bên đương sự đã ký kết, có quy định về tài sản bảo đảm và nghĩa vụ được bảo đảm gồm các Hợp đồng tín dụng được ký kết trong khoảng thời gian từ 18/02/2020 đến 18/02/2025 (bao gồm mọi nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của các hợp đồng tín dụng phát sinh trong và sau khoảng thời gian này). Như vậy, các khoản nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 (thẻ Visa Plat VIP) của bà C cũng nằm trong nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản bảo đảm là 02 thửa đất số 344 và số 823 tờ bản đồ 67 tọa lạc tại xã Tân Thạnh Đông, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh mà bà C đã thế chấp cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0012000007200 ngày 18/02/2020 và Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số thứ tự 5599 ngày 19/02/2020 của các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 317 và Điều 318 của Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp với các quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 344, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 1.100m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C ngày 17/02/2020 và thửa đất số 823, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 1.100m²; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C vào ngày 17/02/2020, đều thuộc quyền sở hữu của bà C để thu hồi nợ cho ngân hàng, trong

trường hợp bà Tô C không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên là đúng với quy định tại Điều 299, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho các khoản nợ vay (bao gồm tiền nợ vốn và các khoản tiền lãi), nguyên đơn yêu cầu bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng là đúng với quy định tại Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong khi đó, bị đơn- bà Tô C vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bà C, bà C đã trực tiếp ký nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận **B**.

Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) mà Ngân hàng TMCP Bản Việt đã nộp cho Tòa án nhân dân quận **B**, Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 1018/2022/TB-TA ngày 15/7/2022 và Biên nhận ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân quận **B**, để Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp là 02 thửa đất số 344 và số 823 tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh vào các ngày 05/8/2022 và ngày 09/9/2022. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc phía bị đơn có trách nhiệm phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng 7.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn đúng với nội dung mà các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận tại Điều 3 của cả 02 Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020 và số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 *“Bên được cấp tín dụng (là bà Tô C) phải chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản phí, chi phí liên quan trong việc thẩm định, kiểm định, định giá, tái định giá tài sản đảm bảo...”* và cũng hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 295, Điều 296, Điều 298, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt:

- Buộc bị đơn – bà Tô C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt số tiền nợ phát sinh từ 03 Hợp đồng tín dụng và 02 Giấy nhận nợ (bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ký ngày 11/02/2020; Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ký ngày 18/02/2020 ; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ký ngày 03/3/2020; Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020) tổng cộng là 4.490.782.439đồng (Bốn tỷ bốn trăm chín mươi triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0012000006300 ngày 11/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000006300001 ngày 11/02/2020 có số tiền nợ tổng cộng là 4.024.814.690đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 2.962.499.970đồng, tiền lãi trong hạn 873.670.912đồng, Phạt chậm trả lãi 103.490261đồng và lãi quá hạn 85.153.547đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 0012000007300 ngày 18/02/2020 và Giấy nhận nợ số 0012000007300001 ngày 19/02/2020: có số tiền nợ tổng cộng 261.335.401đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 190.100.000đồng, tiền lãi trong hạn 44.728.178đồng, Phạt chậm trả lãi 5.792.563đồng và lãi quá hạn 22.476.148đồng.
- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 có số tiền nợ tổng cộng 204.632.348đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 100.081.813đồng + Lãi trong hạn 2.995.600đồng và lãi quá hạn 101.554.935 đồng.

Tất cả các khoản tiền lãi của cả 03 hợp đồng tín dụng nêu trên được tính đến ngày 25/10/2022.

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 26/10/2022, bà Tô C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong 03 Hợp đồng tín dụng và trong 02 Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong 03 Hợp đồng tín dụng và trong 02 Giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bà Tô C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C 02 bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, có số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 và số CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi vào ngày 17/02/2020.

Trường hợp bà Tô C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất có số 344, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 1.100m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH04354 ngày 20/01/2012, đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C ngày 17/02/2020 và thửa đất số 823, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã TĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 1.100m²; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH03174 ngày 11/7/2011 đã được cập nhật thay đổi sang tên cho bà Tô C vào ngày 17/02/2020 đều thuộc quyền sở hữu của bà C để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền phát mãi 02 thửa đất nêu trên nếu không đủ để thanh toán cho các khoản nợ vay (bao gồm các khoản tiền nợ vốn và các khoản tiền lãi), buộc bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ vay.

Buộc bà Tô C có nghĩa vụ phải hoàn trả toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt số tiền là 7.000.000đồng (bảy triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phí 43.108.755đồng (trong đó bao gồm các loại phí và phí phạt) phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 00120000016TD ngày 03/3/2020 cho nguyên đơn.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 112.490.782 đồng (Một trăm mười hai triệu bốn trăm chín mươi ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng) bị đơn - bà Tô C phải nộp toàn bộ.

Hoàn số tiền tạm ứng án phí 53.889.000 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt, theo biên lai thu số 0089960 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tô C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. B;
- THADS Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt